

ỨNG DỤNG MẠNG XÃ HỘI VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG PHÁP CHO SINH VIÊN VIỆT NAM

Using social web in teaching French for Vietnamese students

Hồ Thủy An

Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế (Việt Nam)

Tóm tắt:

Đầu những năm 2000, web 2.0 ra đời, đưa người sử dụng trở thành chủ nhân thực sự của Internet. Đặc điểm nổi bật của thế hệ web này là người dùng có thể tham gia vào quá trình sáng tạo nội dung trên Internet, đồng thời, tương tác với nhau. Đây chính là khía cạnh xã hội của web 2.0, tức mạng xã hội (*social web*).

Tiến bộ về công nghệ này đã góp phần thay đổi nhiều mặt trong đời sống, đem lại chuyển biến cho phương thức giảng dạy ngôn ngữ. Dạy-học tiếng Pháp cũng không nằm ngoài xu thế đó. Nhiều dự án đã được tiến hành ở phương Tây, chẳng hạn: năm 2003, Hannah & de Nooy yêu cầu sinh viên lên diễn đàn của báo *Le Monde* để bàn luận chính trị; năm 2006, Ollivier cho sinh viên viết bài trên *Wikipedia*.

Học theo những dự án thành công đó, năm 2014, “*Tự học tiếng Pháp với Internet*” đã được triển khai trên đối tượng là sinh viên năm thứ hai Khoa Tiếng Pháp – Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế.

Bên cạnh một số hạn chế (tỉ lệ tham gia thấp), với bốn nhiệm vụ (*task*) ứng dụng mạng xã hội, dự án này được các sinh viên tham gia đánh giá cao vì tính mới lạ của nó, đồng thời, mở ra hướng xây dựng hệ thống tự học tiếng Pháp khai thác tiềm năng của mạng xã hội dành cho sinh viên Việt Nam.

Từ khóa: *mạng xã hội (social web), dạy-học tiếng Pháp (teaching-learning of French language), sinh viên Việt Nam (Vietnamese students), nhiệm vụ (task)*

I. Đặt vấn đề – Cơ sở lý thuyết

1. Định nghĩa mạng xã hội

Hệ thống các trang web chúng ta đang sử dụng hiện nay thuộc thế hệ thứ hai: web 2.0. So với thế hệ thứ nhất (web 1.0), web 2.0 có nhiều ưu thế hơn. Kể từ đầu những năm 2000, với nhiều dịch vụ mới ra đời (blog, wiki...), người dùng đã có thể tham gia vào quá trình sáng tạo và xuất bản nội dung trên Internet (viết nhật ký ở Blogspot, đăng ảnh tại Flickr, làm clip tải lên Youtube...). Ngoài ra, họ có thể bình luận, chia sẻ, nhào nặn các nội dung đó theo ý muốn, cũng như tương tác với nhau (viết lời bình cho một bài viết, một bức ảnh hay một đoạn clip và chờ phản hồi của người khác). Đây chính là khía cạnh xã hội của web 2.0, tức **mạng xã hội (social web)**.

Theo Ollivier & Puren (2011), **mạng xã hội** là mặt quan trọng nhất, phổ thông nhất của web 2.0. Khái niệm này đề cập đến khả năng người dùng Internet có thể đưa ra xã hội các sản phẩm của bản thân, cũng như duy trì và tạo dựng các mối quan hệ xã hội thông qua những trang web như *Facebook, LinkedIn*. Như vậy, **mạng xã hội** chính là web 2.0 (nhưng không tính đến khía cạnh kỹ thuật), nơi người sử dụng giữ vai trò chủ đạo và chủ động; là các trang mạng tồn tại và phát triển nhờ sức mạnh xã hội của cộng đồng.

Ở đây cần phân biệt **mạng xã hội (social web)** với **mạng lưới xã hội (social networks)**. Mạng lưới xã hội là khái niệm xã hội học, chỉ các mối quan hệ xã hội của con người, chằng chịt và đan xen như lưới nhện. Ngoài ra, trong ngôn ngữ thông dụng, ba tiếng “mạng xã hội” thường được dùng để nhắc đến Facebook, Google+... Tuy nhiên, đây là cách gọi dễ gây nhầm lẫn. Do vậy, một số nhà khoa học như Boyd & Ellison (2007) và Zourou (2012) đề xuất thuật ngữ **trang mạng lưới xã hội (social network sites – SNS)** để chỉ các trang web này bởi chúng giúp người sử dụng duy trì và tạo dựng các mối quan hệ, đồng thời công khai mạng lưới xã hội của người đó.

2. Mạng xã hội và dạy-học tiếng Pháp

Mạng xã hội ra đời đã thổi luồng gió mới vào nhiều mặt của đời sống. Do vậy, trường học (nhất là các trường đại học) không thể đứng ngoài xu hướng công nghệ này bởi giới trẻ ngày nay lớn lên cùng với web 2.0. Thế nên, nhiệm vụ đặt ra cho nhà trường (cũng như giáo viên) là giúp người học khám phá những công dụng khác (ngoài giải trí, kết nối bạn bè) của

mạng xã hội, nhận thức được tính hai mặt (tốt và xấu) của web 2.0, cũng như giáo dục cho học sinh, sinh viên năng lực chịu trách nhiệm đối với những nội dung mà họ đăng tải trên Internet (Atabekian, 2010).

Trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Pháp cho người nước ngoài, một số giáo viên ở phương Tây đã đưa mạng xã hội vào lớp học. Có thể kể ra đây một vài dự án sau. Năm 2003, tại Australia, Hannah & de Nooy yêu cầu sinh viên lên diễn đàn của báo *Le Monde* để thảo luận các vấn đề chính trị (Hanna & de Nooy, 2003). Năm 2006, Ollivier cho 15 sinh viên người Áo viết bài về nơi mà họ sinh ra trên *Wikipedia* (Ollivier, 2007). Tháng 11 năm 2012, trong khuôn khổ dự án “*Le français en (première) ligne*”¹, sinh viên người Latvia đã giới thiệu một bộ phim của Latvia trên Prezi (http://prezi.com/_nj0ivogyik4/kolka-cool/).

So với các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ khác, ưu thế của mạng xã hội là giúp người học có cơ hội trao đổi thực sự với những người nói ngôn ngữ này. Nhờ đó, việc học có tính thực tiễn hơn, mang nhiều ý nghĩa hơn so với các tình huống giao tiếp giả định ở trong lớp học – nơi giáo viên dường như là người duy nhất mà các sản phẩm của người học hướng đến (Dejean-Thircuir & Mangenot, 2013). Ngoài ra, nhờ lợi thế về công nghệ, các sản phẩm do người học thực hiện trên mạng xã hội thường sống động, độc đáo hơn. Có thể lấy bài giới thiệu phim của sinh viên Latvia ở trên làm ví dụ: khi chọn *Prezi* làm công cụ, người học có thể đưa vào phần trình bày cả văn bản, hình ảnh, lẫn một trích đoạn phim ngắn.

3. Phương pháp khai thác mạng xã hội trong lớp học tiếng Pháp

Để đưa mạng xã hội vào các lớp học tiếng Pháp, hai tác giả Ollivier và Puren – những người tiên phong trong lĩnh vực này – khuyến nghị **phương pháp tương tác (*interaction-based approach*)** (Ollivier & Puren, 2011; Ollivier, 2012).

Phương pháp này là cái “gạch”, nối dài **phương pháp hành động (*action-oriented approach*)** mà CEFR đề cập. Trong quá trình dạy-học, cả hai phương pháp đều vận dụng **nhiệm vụ (*task*)**. Tuy nhiên, do nhiệm vụ theo định nghĩa của Ellis (2003), Nunan (2004) hay CEFR (Conseil de l’Europe & Division des politiques linguistiques, 2005) bị giới hạn trong bốn bức tường của lớp học, Ollivier (2012) đề xuất mở rộng khái niệm này thành: “*Tất cả*

1 □ Dự án sử dụng Internet để kết nối sinh viên theo học chương trình giảng dạy tiếng Pháp tại các trường đại học của Pháp với sinh viên học tiếng Pháp ở các trường đại học thuộc Australia, Tây Ban Nha, Mỹ, Nhật Bản, Latvia, Luxembourg (<http://fle-1-ligne.u-grenoble3.fr/>).

*nhiệm vụ đều phải được thực hiện trong khuôn khổ các tương tác xã hội thực sự và do đó, được xác định một cách rõ ràng.”*². Trên thực tế, khá khó để tìm ra (và đa dạng hóa) đối tác nhằm bảo đảm cho tương tác diễn ra trong quá trình dạy-học ngoại ngữ mang tính “xã hội thực sự”, với ngữ cảnh và đối tượng tiếp nhận “được xác định một cách rõ ràng”. Do đó, tác giả đề nghị người dạy khai thác tiềm năng của mạng xã hội.

II. Giới thiệu dự án “Tự học tiếng Pháp với Internet” và phương pháp nghiên cứu

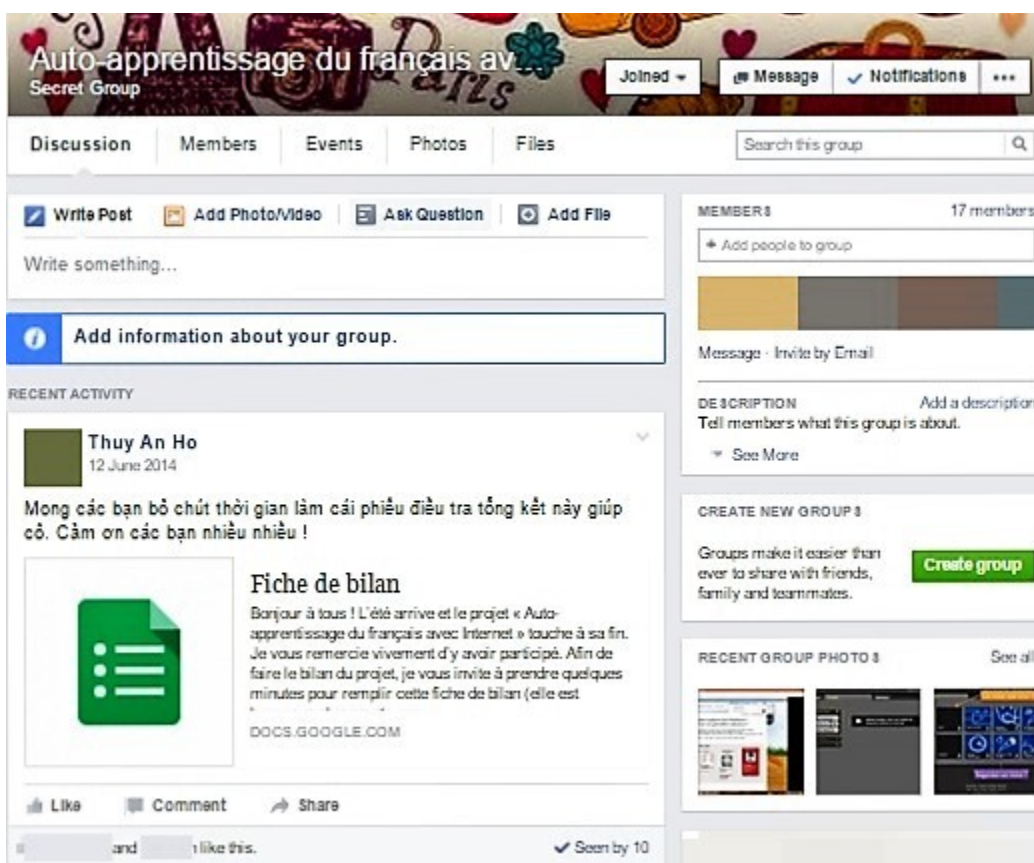
1. Dự án “Tự học tiếng Pháp với Internet”

Với mong muốn ứng dụng mạng xã hội vào giảng dạy tiếng Pháp nhằm nâng cao năng lực tự học cho sinh viên, dự án “*Tự học tiếng Pháp với Internet*” đã ra đời và được triển khai trên đối tượng là sinh viên năm thứ hai Khoa Tiếng Pháp – Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế vào học kỳ 2 năm học 2013-2014.

Trong vòng 3 tháng (từ 13/03 đến 12/06/2014), sinh viên được yêu cầu thực hiện 4 nhiệm vụ (NV) mạng xã hội (*social web based task*). Đã có 15 trên tổng số 17 sinh viên (chiếm tỉ lệ 88,23%) đăng ký tham gia trên tinh thần tự nguyện, đổi lấy 3 điểm cộng vào điểm kiểm tra giữa kỳ.

Trình độ thực tế của các sinh viên tham gia dao động khoảng từ A2 đến B2 theo CEFR. Trình độ yêu cầu của dự án là B1. Một nhóm Facebook (FB) riêng tư đã được giáo viên tạo, để đăng tải nội dung các nhiệm vụ, đồng thời làm nơi trao đổi thông tin giữa người học và người dạy (*hình 1*).

2 □ “Toute tâche à réaliser dans le cadre d’interactions sociales réelles et donc clairement définies.” (Ollivier, 2012, đoạn 23)



Hình 1: Ảnh chụp màn hình nhóm FB của dự án “Tự học tiếng Pháp với Internet”

2. Quá trình thực hiện dự án và phương pháp nghiên cứu

Sau 10 ngày đăng ký tham gia và trả lời phiếu điều tra ban đầu, sinh viên lần lượt làm các NV do giáo viên biên soạn. Thời gian thực hiện dự tính của mỗi NV là 2 tuần; tuy nhiên, trong quá trình tiến hành dự án, hai NV 2 và 3 đã được kéo dài thêm 1 tuần; đối với NV thứ tư, sau 24 ngày không có sinh viên tham gia thực hiện, giáo viên đã tiến hành phát phiếu điều tra tổng kết dự án vào ngày 12/06/2014 (bảng 1).

| Thời gian | Sự kiện | Yêu cầu của nhiệm vụ | Trang web sử dụng | Tham gia trong nhóm FB | | Sản phẩm đăng tải lên các trang mạng xã hội | |
|----------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|------------------------|---|---------------------------------------------|---|
| | | | | SL | % | SL | % |
| 13/03 – 23/04/ | <i>Khởi động dự án, tạo nhóm FB, đăng phiếu điều tra ban đầu</i> | | | | | | |

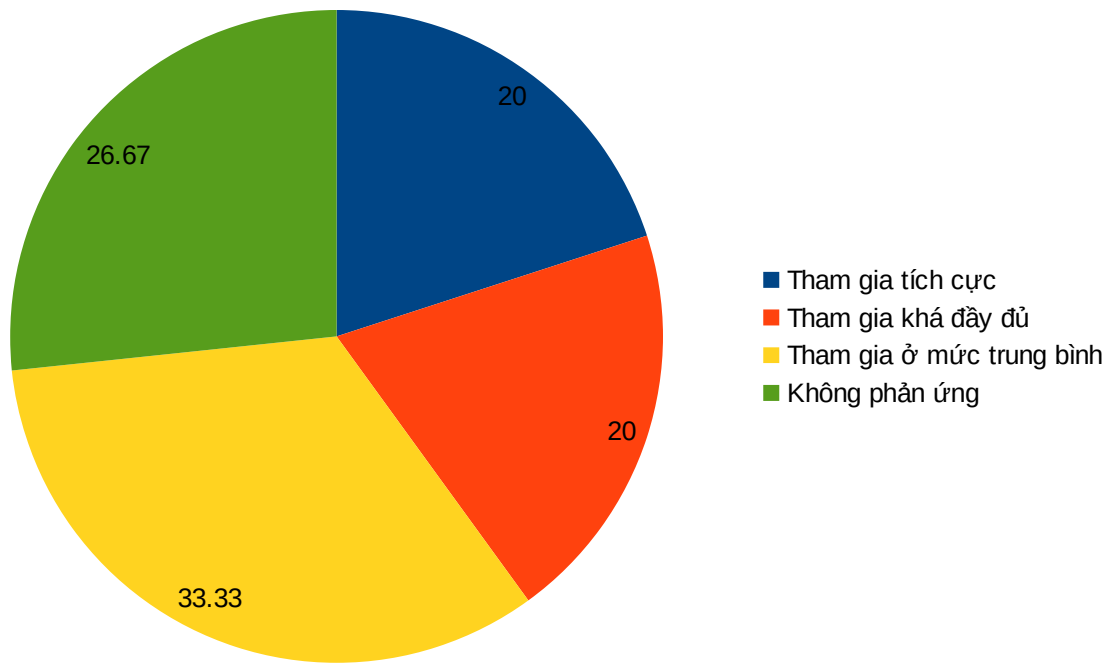
| | | | | | | | |
|------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------|--------------|
| 2014 | | | | | | | |
| 24/03 – 06/04/2014 | NV 1 | Tạo cây Pearltrees tập hợp các trang web để học tiếng Pháp | Pearltrees (http://www.pearltrees.com/) | 11 (KL1, DH1, QN1, DT1, BT1, TG1, MH1, AT1, HT1, TD1, PT1) | 73,33 | 5 (KL1, QN1, TD1, TG1, DT1) | 33,33 |
| 07/04 – 27/04/2014 | NV 2 | Trả lời một câu hỏi về Việt Nam trên diễn đàn Routard | Forum Routard (http://www.routard.com/forum/vietnam/54.htm) | 7 (KL1, QN1, MH1, DH1, TG1, PT1, BT1) | 46,67 | 4 (KL1, QN1, MH1, TG1) | 26,67 |
| 28/04 – 18/05/2014 (3 tuần) | NV 3 | Giới thiệu một món ăn Việt Nam | Live my food (http://www.livemyfood.eu/) | 3 (KL1, QN1, MH1) | 20 | 3 (KL1, QN1, MH1) | 20 |
| 19/05 – 11/06/2014 (24 ngày) | NV 4 | Giới thiệu một hoạt động văn hóa của Việt Nam | Voicethread (https://voicethread.com/) | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12/06/2014 | <i>Đăng phiếu điều tra tổng kết</i> | | | | | | |

Bảng 1: Tóm tắt quá trình thực hiện dự án “Tự học tiếng Pháp với Internet”

Nhìn vào bảng trên, có thể nhận thấy tỉ lệ tham gia giảm dần qua từng nhiệm vụ; số lượng sinh viên hoàn tất nhiệm vụ và đăng tải sản phẩm lên các trang mạng xã hội thấp hơn so với số tham gia bình luận trong nhóm FB nội bộ (NV 1 và 2).

Bên cạnh 3 sinh viên đặc biệt tích cực (chiếm 20%), có 4 thành viên hầu như không phản ứng gì (chiếm 26,67%); 8 sinh viên còn lại được phân thành hai nhóm: tham gia khá đầy

đủ (3 sinh viên, chiếm 20%) và tham gia ở mức trung bình (5 sinh viên, chiếm 33,33%) (biểu đồ 1).



Biểu đồ 1: Mức độ tham gia vào dự án của nhóm sinh viên

Từ 17/06 đến 13/09/2014, 6 cuộc phỏng vấn riêng lẻ đã được tiến hành với 2 sinh viên tích cực (KL1, MH1); 2 tham gia khá đầy đủ (DH1, TG1); 1 ở mức trung bình (HT1) và 1 hầu như không phản ứng (NT1). Các buổi nói chuyện này là cơ sở để rút ra những điểm cần lưu ý khi khai thác mạng xã hội vào giảng dạy tiếng Pháp dành cho sinh viên Việt Nam.

III. Một số lưu ý khi khai thác mạng xã hội vào giảng dạy tiếng Pháp cho sinh viên Việt Nam

1 Xây dựng quan niệm cởi mở về lỗi cho sinh viên

So sánh phát biểu của các sinh viên, có thể thấy: những sinh viên tham gia khá đầy đủ và tích cực xem lỗi, sai là điều tất yếu trong quá trình học, coi việc đăng tải sản phẩm lên mạng xã hội như cơ hội để sửa chữa cho những lần sau (DH1, MH1); trong khi đó, HT1 – sinh viên tham gia rất ít vào dự án cảm thấy khá nặng nề nếu làm sai, mắc lỗi chính tả, ngữ pháp (bảng 2).

| Thời gian | Người nói | Nội dung |
|-----------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 07 : 32 | DH1 | Dù nói sai họ cũng không biết người nó là ai hết, bởi rửa nếu họ nói sai thì mình sửa, rồi họ nói sai thì mình biết là mình sai chỗ nó, còn nói chung lại em cũng không quan trọng, vì họ không biết là mình gửi nên em cũng không sợ họ đánh giá chi mình, mình biết là mình sai thì lần sau rút kinh nghiệm ở chỗ khác. |
| 10 : 24 | DH1 | Thì nếu mấy bạn đánh giá mình thì mình trả lời sai thì mấy bạn đánh giá, mà đúng thì mà năng lực của mình ngang chùng nó thì mình cũng chấp nhận thôi cô nờ đều mình cố gắng lần sau không bị như rửa thôi. Chờ còn dạng giống như khi mô cũng có thấp thì mới tới cao đồ rửa chờ chờ khi mô cũng cao thì làm răng đi học. <i>(cười)</i> |
| 03 : 06 | MH1 | Dạ không <i>[ngại khi pốt bài lên cho tất cả mọi người trên mạng đọc]</i> , vì cái nó thì khi mà họ phát hiện lỗi cho mình thì mình sẽ sửa được, mình sẽ nhớ được lỗi của mình và mình sẽ khắc phục được. |
| 09 : 33 | HT1 | Dạ, giống như... mình giống như mình nói tiếng Việt là dễ cô nờ, nhưng mà đến lúc nói quá tiếng Pháp là mình chưa... giống như mình viết mình sợ sai cô nờ, nhất là văn hóa âm thực đồ rửa. |
| 09 : 45 | HTA | Viết sợ sai. Nhưng mà cô có nói mấy bạn cần chi thì có thể còm-men thì mọi người sẽ góp ý cho mấy bạn, <i>(nghe)</i> thì em thấy răng ? |
| 09 : 56 | HT1 | Dạ, <i>(do dự)</i> rửa đó cũng là một cách tốt. <i>(tùng chữ một)</i> |
| 10 : 02 | HTA | Nhưng mà vì răng em lại không tận dụng cơ hội nó để ví dụ mình không biết nha, thì mình có thể còm-men vô đó để mọi người sẽ... nói chung góp ý cho, giúp đỡ em. |
| 10 : 21 | HT1 | Dạ, <i>(do dự)</i> em sợ sai nhiều cô nờ. |
| 10 : 25 | HTA | Sợ sai nhiều nữa à ? |
| 10 : 27 | HT1 | Dạ. |
| 10 : 28 | HTA | Thế thì khi mà, tức nhiên là khi mà hoạt động Routard hoặc hoạt động mấy cái âm thực văn hóa giới thiệu như vậy, em sợ viết sai để cho người khác đọc hay là răng ? |
| 10 : 41 | HT1 | Dạ, sợ viết, giống như khi mình bỏ lên nó là sợ giống như lỗi chính tả sai nhiều a cô nờ. |

| | | |
|---------|-----|--------------------------------|
| 10 : 49 | HTA | Ừ. |
| 10 : 50 | HT1 | Lỗi ngữ pháp đồ rúa. (nói nhỏ) |

Bảng 2: Quan niệm về lỗi, sai của sinh viên (trích phỏng vấn)

Như vậy, để sinh viên mạnh dạn tạo ra các sản phẩm bằng tiếng nước ngoài nói chung và tích cực tham gia vào các dự án mạng xã hội nói riêng, nên chăng giáo viên cần có biện pháp giúp người học vượt qua nỗi “sợ sai”, “sợ lỗi” bởi một khi đã bị tâm lý này đè nặng, sinh viên sẽ không dám “mạo hiểm” vượt qua vùng an toàn, thử nghiệm những điều mới mẻ.

2. Tôn trọng thể diện của sinh viên

Có lẽ tâm lý “sợ lỗi”, “sợ sai” của sinh viên xuất phát từ văn hóa trọng thể diện của người Việt. Do phải giữ bộ mặt, sinh viên thường cảm thấy khó khăn khi để lộ khuyết điểm của bản thân với người khác: HT1 đã nhấn mạnh điều này trong phỏng vấn. Theo sinh viên này, người dạy cần tránh yêu cầu người học đăng bài công khai nếu trình độ của sinh viên không được tốt lắm. Về phần TG1, mặc dù có cởi mở hơn, sinh viên này cũng có chung quan điểm với HT1 (bảng 3).

| Thời gian | Người nói | Nội dung |
|-----------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11 : 16 | HT1 | Dạ, vì em nghĩ có mấy bạn trong lớp, mấy bạn khá, mấy bạn tốt toàn ghi bài tốt mà chừ bài mình dở, với lại lỗi sai mình bỏ lên, với lại (ngừng đột ngột, nói từng từ một). |
| 11 : 31 | HTA | Thế thì có em nghĩ ngoài cái cách còm-men công khai đó, đúng chưa ạ, để cho tất cả mọi người trong nhóm cùng thấy thì có cách nào để em cảm thấy không bị, khi mình bỏ lên nó mình thấy sợ không ? |
| 11 : 45 | HT1 | Dạ, gửi mail cho cô. |
| 11 : 46 | HTA | Gửi mail cho cô. |
| 11 : 47 | HT1 | Hoặc là inbox nơi chỗ face. |
| 11 : 50 | HTA | Thì em thích rúa hơn hay là ? |
| 11 : 51 | HT1 | Dạ. Bí mật hơn. |
| 11 : 54 | HTA | Bí mật hơn. |
| 11 : 55 | HT1 | Khi mà qua cô sửa rồi mình mới bỏ lên thì đỡ hơn. |

| | | |
|---------|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 : 03 | HTA | (nghe) Chờ còm-men trực tiếp lên trên đó cho mọi người... là em ngại. |
| 12 : 09 | HT1 | Khi mà mình tự tin về trình độ mình thì mình bỏ lên mới được. |
| 08 : 02 | TG1 | Dạ ... cũng có. Tại vì nhóm mình, mấy bạn, đa số những bạn pôt bài lên a, là những bạn siêng, với lại là mấy bạn ấy giỏi. Bài của mấy bạn viết rất là chuẩn, bài của em gửi lên thì hẳn không được tốt lắm, thành ra em cũng hơi ngại (<i>nghe ngăn</i>) với những bạn làm bài tốt đó vì mình cùng học ở lớp thì nhiều khi còn... (<i>mim cười</i>) |
| 08 : 22 | HTA | (<i>mim cười</i>) |
| 08 : 23 | TG1 | Mình học cùng một lớp, gặp nhau nên nhiều khi còn ngại. (<i>nghe</i>) |
| 08 : 26 | HTA | Ừ. |
| 08 : 28 | TG1 | Nhưng mà em nghe, điều đó không quan trọng, quan trọng là mình cố gắng |

Bảng 3: Quan niệm của sinh viên về việc công khai sản phẩm thô (trích phỏng vấn)

Ngoài ra, cũng do giữ thể diện, khi không hiểu, sinh viên thường cũng không nói ra. Do đó, HT1 đề xuất giáo viên nên có câu hỏi điều tra vô danh kiểm tra mức độ hiểu đề của người học (bảng 4).

| Thời gian | Người nói | Nội dung |
|-----------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 29 : 44 | HT1 | Dạ. Nếu mà có, vì có một số bạn không hiểu họ không nói ra mình không biết được hết. |
| 29 : 55 | HTA | Thế thì theo em làm cách mô để cho mọi người... mọi người không hiểu mà có thể vẫn nói ra. |
| 30 : 03 | HT1 | Dạ, em nghe cô nên ghi ra một câu hỏi dạng giống như nghiên cứu của cô rứa, dễ hiểu hoặc chưa hiểu hoặc khó hiểu sau đó để mấy bạn đánh vô rồi tính phần trăm mình biết được có người hiểu, người không hiểu. Để nói hơn so với việc còm-măng. |
| 30 : 27 | HTA | Là... tức... không biết cô hiểu có đúng không ? Như ri hi, khi cô ra một hoạt động chi đó, thì cô sẽ làm một dạng câu hỏi để cho mấy bạn tích vô, và câu hỏi đó là vô danh, đúng không ? |

| | | |
|---------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 30 : 48 | HT1 | Dạ. |
| 30 : 49 | HTA | Là không biết ai nói hết, là hỏi là mấy bạn đã hiểu đề chưa, mấy bạn tích vô. |
| 30 : 54 | HT1 | Dạ, có hiểu cách sử dụng không cô nờ. |
| 30 : 56 | HTA | Ừ, chơ còn còm-men trực tiếp |
| 31 : 00 | HT1 | Dạ. |
| 31 : 01 | HTA | Rứa là mọi người không làm hả ? |
| 31 : 02 | HT1 | Dạ, không thích. |
| 31 : 03 | HTA | Không thích. Ừ, rồi. Mà đi làm... làm những hoạt động không phải cho giáo viên mà cho người khác đọc mà mấy bạn cũng không thích hay rãng ? |
| 31 : 20 | HT1 | Dạ, không phải vì nói ra cái mình không hiểu mình là thấy sợ họ, ngại, có nhiều người họ ngại, chơ không phải lợi ích cho ai. Thì theo cô thấy lên mạng, a, theo trên lớp có nhiều người họ vẫn không hiểu nhưng họ không dám nói với giáo viên. (ngỉ) |

Bảng 4: Cách thức kiểm tra mức độ hiểu đề của người học (trích phỏng vấn)

Tóm lại, để có thể khai thác thành công mạng xã hội trong các lớp học tiếng Pháp của sinh viên Việt Nam, giáo viên nên tìm cách phá tan tâm lý sợ lỗi nơi người học, đồng thời triển khai những biện pháp kỹ thuật để đảm bảo thể diện cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Atabekian, C. (2010). Au travail, Narcisse ! *Cahiers Pédagogiques*, (482), 11–13.
- [2] Boyd, D. M., & Ellison, N. B. (2007). Social Network Sites: Definition, History, and Scholarship. *Journal of Computer-Mediated Communication*, 13(1), 210–230. [<http://doi.org/10.1111/j.1083-6101.2007.00393.x>]
- [3] Conseil de l'Europe, & Division des politiques linguistiques. (2005). *Un cadre européen commun de référence pour les langues : apprendre, enseigner, évaluer*. Strasbourg, Paris: Conseil de l'Europe, Division des politiques linguistiques. [http://www.coe.int/t/dg4/linguistic/source/framework_fr.pdf]
- [4] Dejean-Thircuir, C., & Mangenot, F. (2013). Apports et limites des tâches web 2.0 dans un

projet de télécollaboration asymétrique. In *Actes du colloque Epal 2013*. Grenoble: Université Stendhal-Grenoble 3.

[5] Hanna, B. E., & de Nooy, J. (2003). A funny thing happened on the way to the forum: Electronic discussion and foreign language learning. *Language Learning & Technology*, 7(1), 71–85.

[6] Ollivier, C. (2007). Ressources Internet, wiki et autonomie de l'apprenant. Presented at the Actes du colloque Echanger pour apprendre en ligne (EPAL). Grenoble, 7-9 juin 2007, Grenoble: Lamy Marie-Noëlle, Mangenot François, Nissen Elke. [<http://epal.u-grenoble3.fr/actes/pdf/olivier-wiki.pdf>]

[7] Ollivier, C. (2012). Approche interactionnelle et didactique invisible – Deux concepts pour la conception et la mise en œuvre de tâches sur le web social. *Alsic. Apprentissage des Langues et Systèmes d'Information et de Communication*, (Vol. 15, n°1). [<http://doi.org/10.4000/alsic.2402>]

[8] Ollivier, C., & Puren, L. (2011). *Le Web 2.0 en classe de langue: une réflexion théorique et des activités pratiques pour faire le point*. Paris: Éditions La Maison des langues.

[9] Zourou, K. (2012). De l'attrait des médias sociaux pour l'apprentissage des langues – Regard sur l'état de l'art. *Alsic. Apprentissage des Langues et Systèmes d'Information et de Communication*, (Vol. 15, n°1). [<http://doi.org/10.4000/alsic.2485>]

Giới thiệu về tác giả

Họ và tên: Hồ Thủy An

Chức vụ: Giảng viên tiếng Pháp

Học vị: Thạc sĩ

Nơi công tác: Khoa Tiếng Pháp – Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ: 57 Nguyễn Khoa Chiêm – Thành phố Huế

Email: ho.thuyan@gmail.com

Chuyên ngành nghiên cứu: Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp (mảng ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học); biên-phiên dịch Việt-Pháp